

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày 29-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hồng Vũ;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;

2. Ông Ksor Thí;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 281/2022/QĐST-DS ngày 06/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, đường L, Phường T, Quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn S. Chức vụ: Phó giám đốc A Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; địa chỉ: Số 290, đường H, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 307/NHNN₀.IGĐGL-TH/GUQ ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc A Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N (Gọi tắt là Ngân hàng) thông qua chi nhánh huyện G Đông Gia Lai – Phòng giao dịch I đã cấp tín dụng cho vay đối với ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số: 14001117/HĐTD ngày 22/11/2017, Ngân hàng cho ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N vay số tiền 120.000.000 đồng. Mục đích: Vay chăm sóc vườn cà phê và mua vật dụng gia đình. Lãi suất vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 20 của tháng thứ 3 (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng). Kỳ hạn cho vay: 12 tháng, từ ngày 21/5/2019 đến ngày 20/5/2020. Ngân hàng có giảm lãi quá hạn cho ông T, bà N trong thời gian từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 với mức lãi suất quá hạn là 135% lãi trong hạn.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khoản vay của Hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng và ông T, bà N đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3352017/HĐTC ngày 20/11/2017 với nội dung thỏa thuận, ông T và bà Nhung đồng ý thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 23 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 019760 ngày 17/8/2015 của UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N. Hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện G.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 9.073.974 đồng. Ngoài ra, ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N không trả tiền gốc khi đến hạn nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 120.000.000 đồng; lãi trong hạn là 2.926.027 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.452.055 đồng. Ông T và bà Nhung phải tiếp tục trả lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Ý kiến trình bày của bị đơn: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 162.378.082 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại Hợp đồng tín dụng số 14001117/HĐTD ngày 21/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện G Đông Gia Lai – Phòng giao dịch I (Bên cho vay) và ông Lê Trọng T, bà Nguyễn Thị N (Bên vay) đã thỏa thuận như sau: “*Bên A (Ngân hàng) có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật khi phát hiện bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng*” (mục 6.1 Điều 6); bên vay có nghĩa vụ “*Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng*” (mục 6.2 Điều 6). Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp kèm theo đơn khởi kiện thể hiện, ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N đã không thanh toán tiền gốc và lãi vay cho ngân hàng nên đã vi phạm các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng cấp tín dụng. Do đó, nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai có

thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng đã vắng mặt lần thứ 2, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, gồm: “*Hợp đồng tín dụng số 14001117/HĐTD*” lập ngày 22/11/2017; “*Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân*” lập ngày 20/5/2019; “*Theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ*” thể hiện, Ngân hàng N, thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai – Phòng giao dịch I đã ký hết hợp đồng tín dụng, có biện pháp bảo đảm tiền vay với ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Ngân hàng đồng ý giải ngân cho ông T, bà N số tiền vay 120.000.000 đồng. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu chi phí, sản xuất kinh doanh, đời sống. Lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân là ngày 21/5/2019. Trả gốc vào cuối kỳ, trả lãi 03 tháng/lần, vào ngày 20 của tháng thứ 3 (Có thỏa thuận trả lãi hàng tháng).

Ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N đã cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân tiền vay cho đến nay, ông T, bà N chỉ trả được cho nguyên đơn số tiền lãi là 9.073.974 đồng. Ngoài ra, bị đơn không tiếp tục trả lãi định kỳ và không trả nợ gốc khi đến hạn thanh toán nợ nên đã vi phạm các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong việc cấp tín dụng cho vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 275, 280 và 351 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay là 162.378.082 đồng. Bao gồm: Nợ gốc 120.000.000 đồng; lãi trong hạn là 2.926.027 đồng; lãi quá hạn là 39.452.055 đồng.

[3] Ngoài ra, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi chậm trả kể

từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3352017/HĐTC ngày 20/11/2017, ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp cho Ngân hàng N tài sản, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (hiện tại và hình thành trong tương lai chưa được kê khai) của Thửa đất số 26 thuộc tờ bản đồ số 23 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 019760 ngày 17/8/2015 cho ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N. Mục đích thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay tiền của Hợp đồng tín dụng.

Xét hợp đồng thế chấp được các bên lập bằng văn bản, có chứng thực theo quy định của pháp luật; chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; ý chí điều tự nguyện, không bị ép buộc; mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên vay tiền tại hợp đồng tín dụng nên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Kết quả xem xét, thẩm định xác định, quyền sử dụng đất đã thế chấp hiện tại vẫn thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp, không phát sinh tranh chấp với người khác. Do đó, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã nhận thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tổng cộng 02 lần là 7.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.118.904 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng N số tiền 162.378.082 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn không trăm tám mươi hai đồng*). Bao gồm: Nợ gốc là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*); lãi trong hạn là 2.926.027 đồng (*Hai triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bảy đồng*); lãi quá hạn là 39.452.055 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N không trả được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Thửa đất số 26 thuộc tờ bản đồ số 23 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 019760 ngày 17/8/2015 cho ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Trọng T và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.118.904 đồng (*Tám triệu một trăm mười tám ngàn chín trăm lẻ bốn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.659.466 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*). Theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008327, ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ